TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/HS-ST
Ngày 29 tháng 5 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Phương

2. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Thi là Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2024, đối với bị cáo:

Đặng Tấn B, sinh ngày 07/10/2000, tại huyện P, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Khóm M, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang; giới tính: Nam; nghề nghiệp: làm thuê; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo Phật giáo H1; trình độ học vấn: lớp 2/12; con ông Đặng Tấn T, sinh năm 1981và bà Đặng Thị Bích C, sinh năm 1981; anh, em ruột: có 03 người, bị cáo là người thứ hai; nhân thân: Ngày 12/01/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng, về tội *"Trộm cắp tài sản",* chấp hành xong ngày 12/7/2019, thời điểm phạm tội Đặng Tấn B chưa thành niên. Tiền án: không. Tiền sự: Ngày 08/01/2024, bị Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, bằng hình thức phạt tiền

2.500.000 đồng, về hành vi *"Trộm cắp tài sản"*. B chưa chấp hành xong quyết định. Bị cáo B bị tạm giam kể từ ngày 19/02/2024 cho đến nay tại Nhà Tạm giữ - Công an huyện P, có mặt.

- *Bị hại:*

1. Ông Đỗ Ngọc A, sinh năm 1973 nơi cư trú: Khóm T, thị trấn P, huyện P, An Giang, vắng mặt;

2. Ông Chung Văn Q, sinh năm 1964 nơi cư trú: Khóm M, thị trấn P, huyện P, An Giang, vắng mặt;

3. Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1981 nơi cư trú: Khóm T, thị trấn P, huyện P, An Giang, vắng mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1.Ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1974 nơi cư trú: Khóm C, thị trấn P, huyện P, An Giang, vắng mặt.

2.Ông Đặng Tấn T, sinh năm 1981 nơi cư trú: khóm M, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang, có mặt

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Văn G, vắng mặt;

2. Ông Dương Sinh R, vắng mặt;

3. Bà Võ Thị Y, vắng mặt;

4. Ông Nguyễn Văn P, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Tấn B, sinh năm 2000, ngụ khóm M, thị trấn P, huyện P rủ Lê Văn L, sinh năm 1999, ngụ khóm P, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang tìm tài sản của người khác lấy bán tiêu xài và mua ma túy sử dụng.

Khoảng 23 giờ ngày 30/01/2024, B và L đi bộ từ khóm P, thị trấn P, huyện P đến khu vực khóm T, thị trấn P, huyện P thấy nhà ông Đỗ Ngọc A (sinh năm 1973, nhà có hàng rào) bên trong có 02 tượng voi bằng gốm sứ, màu xanh - trắng - vàng - đen, B kêu L leo vào bên trong lấy trộm 02 tượng voi trên, B đứng bên ngoài cảnh giới, L lấy từng tượng voi khiêng ra đưa cho B. Sau khi L khiêng 02 tượng voi ra ngoài, B đi bộ về nhà (cách đó khoảng 300 mét) lấy xe đạp, rồi L chở B ngồi sau ôm từng tượng voi về nhà B cất giấu. Đến ngày 31/01/2024, Bình bán 02 tượng voi

này cho ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1974, ngụ khóm C, thị trấn P, huyện P với giá 3.000.000 đồng. N không biết tài sản này do B phạm tội mà có. B chia L 1.500.000 đồng, giữ lại 1.500.000 đồng tiêu xài cá nhân và mua ma tuý sử dụng hết. Ngày 02/02/2024, ông A đến Công an thị trấn P trình báo sự việc. Công an thị trấn P tiến hành mời B về trụ sở, tại đây B khai nhận hành vi trộm cắp tài sản cùng với L. Hiện tại, L không có ở địa phương nên chưa làm việc được.

Qua làm việc, B thừa nhận hành vi lấy trộm hai tượng voi của ông A như nêu trên. Ngoài ra, B khai nhận còn thực hiện hành vi lấy trộm khác như sau:

Lần 1: Khoảng 17 giờ ngày 17/02/2024, B đi bộ từ nhà đến khu vực khóm M, thị trấn P, huyện P thấy trước cửa nhà ông Chung Văn Q, sinh năm 1964 có 01 xe đạp điện, màu xám - trắng, loại xe có 04 bình điện, dè xe màu trắng. B nảy sinh ý định lấy trộm xe này nên khoảng 01 giờ 45 ngày 18/02/2024, B đi bộ đến nhà ông Q, có hàng rào móc ổ khóa nhưng không khóa, B đi vào lấy trộm xe rồi điều khiển qua phà T bán cho người nam tên H (khoảng 32 tuổi, không rõ họ và địa chỉ cụ thể) được số tiền 1.500.000 đồng tiêu xài.

Lần 2: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 18/02/2024, B đi bộ từ khóm M, thị trấn P, huyện P đến quán *"Hương Khế"* của ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1981, ngụ khóm T, thị trấn P, huyện P. Lúc này, khoảng 00 giờ 20 ngày 19/02/2024, thấy quán đóng cửa có khoá bằng ổ khoá, B leo qua hàng rào vào bên trong tìm thấy chìa khoá để trên bàn nên lấy mở cửa hàng rào, sau đó đi vào lấy trộm xe đạp điện màu đỏ sọc trắng, dè xe màu đỏ và 01 cục sạc của xe đạp điện để gần đó rồi điều khiển xe qua phà T bán cho H (như lần 1) được số tiền 1.500.000 đồng tiêu xài.

Bản Kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐG.TTHS ngày 16/02/2024 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P, kết luận: 02 tượng voi bằng gốm sứ, có màu xanh - trắng - vàng - đen, cao 57cm, dài 39cm (đã qua sử dụng), trị giá 4.300.000 đồng.

Bản Kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐG.TTHS ngày 04/3/2024 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P, kết luận: 01 xe đạp điện màu xám trắng, loại xe có 04 bình điện, dè xe màu trắng (đã qua sử dụng), trị giá 2.000.000 đồng; 01 xe đạp điện màu đỏ sọc trắng, dè xe màu đỏ và 01 cục sạc của xe đạp điện (đã qua sử dụng), trị giá 2.200.000 đồng. Tổng cộng 4.200.000 đồng.

Ngày 19/02/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện P khởi tố vụ án, bị can và tạm giam đối với B để điều tra, xử lý.

* Lời khai của người bị hại Đỗ Ngọc A, Chung Văn Q, Phạm Văn Đ trình bày phù hợp với nội dung vụ án. Qua vụ việc nêu trên, A đã nhận lại hai tượng voi

nên không yêu cầu bồi thường; Q, Đ yêu cầu B bồi thường giá trị 02 xe đạp điện, 01 cục sạt của xe đạp điện bị mất trộm. Tổng cộng là 4.200.000 đồng.

* Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu N trình bày: khoảng 12 giờ ngày 31/01/2024 ông N đang làm mộc tại trại mộc Rum thuộc ấp H, xã P, huyện P thì có điện thoại lạ gọi cho ông N nói là có đồ bán, kêu ông N chạy lại chợ M thuộc khóm M, thị trấn P để coi, khi ông N đến nơi thì có một thanh niên ra đón, nam thanh niên cao khoản 1m50, tóc vàng, dáng đi khập khiễng, có hình xăm ở tay, sau đó nam thanh niên dẫn ông N vào nhà xem hai tượng voi, ông N xem được một lúc thì nam thanh niên hỏi ông mua được bao nhiêu, ông N trả lời 1.000.000đồng/01 con, nam thanh niên đó mới nói 1.500.000đồng/01 con, ông N trả lời mua, sau đó đưa 1.600.000đồng và chở một tượng voi về trước, đảo lại lần hai đưa cho nam thanh niên thêm 1.400.000đồng và chở tượng voi còn lại. Ông N không biết hai tượng voi do B trộm mà có, ông N trả đủ cho B 3.000.000đồng, yêu cầu B trả lại số tiền 3.000.000đồng, tự nguyên giao trả hai tượng voi cho Công an trả lại bị hại.

* Lời khai của những người làm chứng Nguyễn Văn G, Dương Sinh R, Võ Thị Y và Nguyễn Văn P trình bày phù hợp với nội dung vụ án.

* Quá trình điều tra, bị cáo Đặng Tấn B khai nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu .

Cáo trạng số 21/CT-VKS-PT ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân truy tố bị cáo Đặng Tấn B về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định như cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, Viện kiểm sát đề nghị:

- Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s, r khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Đặng Tấn B mức án từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn tù kể từ ngày tạm giam 19/02/2024. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự; bị cáo B phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông

Chung Văn Q 2.000.000 đồng, cho ông Phạm Văn Đ số tiền 2.200.000 đồng và trả lại ông Nguyễn Hữu N 3.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Không

Tại phiên tòa, bị cáo B thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, không tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về Quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Trong giai đoạn điều tra và truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Xét thấy bị hại, người có quyền lợi liên quan, người làm chứng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra và lời khai của những người này phù hợp với lời khai nhận của bị cáo trong giai đoạn điều tra, những người này vắng mặt tại phiên tòa cũng không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự, người làm chứng trong vụ án.

[2] Về trách nhiệm hình sự:

[2.1] Lời khai nhận tội của bị cáo B phù hợp với lời khai của các bị hại, của những người làm chứng, phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 06/03/2024 của Công an huyện P, Kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐG.TTHS ngày 16/02/2024 và kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐG.TTHS ngày 04/03/2024 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P.

Căn cứ vào các chứng cứ vừa nêu trên có đủ cơ sở kết luận: Đặng Tấn B đã có hành vi lén lút lấy trộm hai tượng voi bằng gốm sứ trị giá 4.300.000 đồng của ông Đỗ Ngọc A; 01 xe đạp điện màu xám trắng, loại xe có 04 bình điện, dè xe màu

trắng trị giá 2.000.000 đồng của ông Chung Văn Q; 01 xe đạp điện màu đỏ sọc trắng, dè xe màu đỏ và 01 cục sạc của xe đạp điện trị giá 2.200.000 đồng của ông Phạm Văn Đ, tổng trị giá tài sản lấy trộm là 8.500.000 đồng đem bán lấy tiền mua ma túy sử dụng và tiêu xài thì bị phát hiện. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân truy tố bị cáo Đặng Tấn B về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[2.2] Tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Bị cáo B là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm do bị cáo thực hiện. Bị cáo B đã từng bị kết án về tội trộm cắp tài sản nên biết rõ hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang, lo lắng cho người dân địa phương, do đó cần có hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[2.3] Nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Bị cáo B có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo về tội *"trộm cắp tài sản"*; có 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản, bị xử phạt tiền nhưng chưa nộp phạt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo B thực hiện 03 lần trộm cắp tài sản nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự thú các lần phạm tội khác nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3] Về biện pháp tư pháp:

[3.1] Trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Bị hại Đỗ Ngọc A đã nhận lại tài sản bị mất trộm nên không có ý kiến và yêu cầu gì đối với bị cáo B.

Bị cáo trộm hai xe đạp điện, cục sạt điện của xe đạp điện của ông Chung Văn Q, Phạm Văn Đ bán cho người khác không thu hồi được nên bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường trị giá xe cho ông Q là 2.000.000 đồng, cho ông Đ là 2.200.000đồng.

Ông Nguyễn Hữu N đã tự nguyện trả lại tài sản bị lấy trộm cho bị hại và yêu cầu bị cáo B trả lại tiền đã nhận 3.000.000đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[3.2] Xử lý vật chứng:

Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện P đã trả lại tài sản 02 con voi bằng sứ cho bị hại và trả lại 01 xe đạp màu trắng, có rổ trước cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Tấn T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không đề cập, xem xét.

[4] Về án phí: Bị cáo B phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự trong hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Đặng Tấn B phạm tội "Trộm cắp tài sản";

1. Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm r, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đặng Tấn B 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 19/02/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Đặng Tấn B có nghĩa vụ bồi thường ông Chung Văn Q 2.000.000 (hai triệu đồng), Phạm Văn Đ 2.200.000 (hai triệu hai trăm nghìn đồng); có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Hữu N 3.000.000 (ba triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi với mức lãi chậm thanh toán theo khoản 2 Điều 368 Bộ luật Dân sự trên số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Đặng Tấn B phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 360.000 (ba trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Ngọc Thảo

Nơi nhận:
- Bị cáo (1);
- Đương sự (3);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện Phú Tân(1);
- Nhà tạm giữ, THAHS CA HPT (2);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- Chi cục THADS huyện Phú Tân (2);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh AG (1);
- Sở Tư Pháp tỉnh AG (1);
- Lưu hồ sơ Tòa án (1);
- Lưu VT (1).